TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-ST
Ngày 27-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Phương;

Ông Trần Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Hồ Thanh B, sinh năm 1979;

2. Chị Lê Thúy K, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (anh B có mặt, chị K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vào khoảng năm 2002 bà có cho chị K, anh B vay số tiền 140.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất, mục đích vay tiền là để mua, bán trái mãng cầu, đến năm 2014 chị K, anh B trả cho bà nhiều lần được số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và ngưng không trả nữa cho đến

nay; mặc dù bà có nhiều lần yêu cầu anh B, chị K trả nợ nhưng vẫn không trả cho bà, do đó tháng 7-2018 bà có khởi kiện chị K, anh B tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và được Tòa án thụ lý giải quyết. Tại Tòa án anh B cam kết sẽ trả cho bà hết số tiền 70.000.000 đồng đến ngày 22-6-2018 theo giấy cam kết ghi ngày 22-8-2017, sau khi cam kết anh B có trả cho bà được 10.000.000 đồng và không tiếp tục trả số tiền còn nợ lại cho đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu anh B, chị K có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu anh B, chị K có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 15-4-2014 đến nay là 55 tháng, với mức lãi suất 0,15%/tháng, thành tiền 4.950.0000 đồng, tổng cộng gốc và lãi suất 74.950.000 đồng, nhưng nay bà rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 14.950.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Thanh B có ý kiến việc yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh với chị Lê Thúy K là vợ chồng và cũng là hàng xóm, quen biết với bà Nguyễn Thị V. Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay của bà V số tiền, thời gian vay, mục đích vay như bà V trình bày, đến năm 2014 vợ chồng anh đã trả cho bà V được số tiền 70.000.000 đồng, tuy nhiên theo bà V trình bày thì khi vay không thỏa thuận lãi suất là không đúng, vì khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng nhưng không ghi vào hợp đồng, vợ chồng anh đã trả lãi suất cho bà V đến năm 2016 thì ngưng không trả lãi suất cũng như nợ gốc còn lại nên năm 2017 bà V khởi kiện vợ chồng anh tại Tòa án, tại đây anh có cam kết đến ngày 22-6-2018 sẽ trả hết số tiền nợ còn lại cho bà V nhưng đến nay chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng. Nay bà V yêu cầu anh cùng chị K có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất thì anh đồng ý.

Chị Lê Thúy K bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý nên coi như chị từ bỏ quyền lợi của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với chị Lê Thúy K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị K là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu của bà Nguyễn Thị V là có sơ sở chấp nhận, vì theo chứng cứ là giấy vay tiền, ghi ngày 15-4-2014 và giấy cam kết trả nợ, ghi ngày 28-8-2017 (dương lịch) do bà V cung cấp cho Tòa án thì anh B cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng anh còn nợ bà V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng. Ghi nhận bà V không yêu cầu tính tiền lãi suất và tự nguyện rút lại phần yêu cầu đối với số tiền 14.950.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thúy K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Anh Hồ Thanh B thừa nhận vợ, chồng có nợ bà V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng là đúng, nay anh đồng ý trả cho bà V số tiền này.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà V, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Hồ Thanh B thừa nhận vợ, chồng có vay tiền của bà V và còn nợ lại số tiền gốc 60.000.000 đồng theo giấy vay tiền, ghi ngày 15-4-2014 và giấy cam kết trả nợ, ghi ngày 28-8-2017 (dương lịch) nhưng đến nay anh và chị K chưa trả được số tiền trên là đúng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có giao kết hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị V và còn nợ bà Loan số tiền gốc 60.000.000 đồng là đúng sự thật. Nay bà V yêu cầu anh B, chị K phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền nợ gốc 60.000.0000 đồng và anh B đồng ý cùng chị K có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền này là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự nhưng do chị K vắng mặt, không có ý kiến nên cần buộc anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 29-8-2018 bà V yêu cầu anh B, chị K có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 15-4-2014 đến nay là 55 tháng, với mức lãi suất 0,15%/tháng, thành tiền 4.950.0000 đồng, tổng cộng gốc và lãi suất 74.950.000 đồng, nhưng ngày 30-10-2018 bà V có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh B, chị K phải trả thêm số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tại phiên tòa, bà rút lại phần yêu cầu và không yêu cầu chị K, anh B tính lãi suất 4.950.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu đã rút của bà V.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đồng, ghi nhận bà V không yêu cầu tính tiền lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận nên anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 385, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đồng, ghi nhận bà V không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị V yêu cầu bà anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K phải trả thêm số tiền 14.950.000 (mười bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Thanh B và chị Lê Thúy K phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà V 1.837.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0025980 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị V, anh Hồ Thanh B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thúy K có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc